

Bản án số:12/2019/HNGĐ-PT

Ngày 27/5/2019

V/v ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2019/QĐPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh A** - sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: số 166, khu phố B, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh K.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Phạm Anh V - Văn phòng luật sư Phạm Anh V thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Tạ Vương Q** - sinh năm 1991 (vắng mặt).

HKTT: ấp Đông B, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh K.

Chỗ ở hiện tại: ấp 6, xã TH, thị xã ĐX, tỉnh B.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày:**

Chị và anh Tạ Vương Q chung sống với nhau vào tháng 12 năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TH, huyện TH, tỉnh K ngày 23 tháng 3 năm 2015. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 04 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Q không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, tụ tập, cờ bạc và tệ nạn xã hội, anh Q còn đánh và chém chị. Khi chị A mang thai và sinh con thì anh Q bỏ mặc, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung, tên Tạ Anh Q - sinh ngày 04/3/2015. Cháu đang ở với cha từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh A khởi kiện yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Tạ Vương Q. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Tạ Anh Q - sinh ngày 04/3/2015, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay thu nhập bình quân của chị trên 10.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bản tự khai của bị đơn anh Tạ Vương Q trình bày:**

Anh thống nhất với trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên không thể hàn gắn được. Hiện tại anh bán đồ ăn sáng, làm cơ khí và làm ở công ty gạch men tại ấp 6, xã TH, thị xã ĐX, tỉnh B, thu nhập 15.000.000 đ/tháng. Anh yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị A. Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Tạ Anh Q, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TH đã quyết định:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Tạ Vương Q.

- *Về con chung*: Giao cháu Tạ Anh Q - sinh ngày 04/3/2015 cho anh Tạ Vương Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Quỳnh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, chị Nguyễn Thị Quỳnh A kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giao cháu Tạ Anh Q - sinh ngày 04/3/2015 cho chị Quỳnh A nuôi dưỡng, chị Quỳnh A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn anh Tạ Vương Q mặc dù đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A rút lại nội dung kháng cáo về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; giữ lại nội dung kháng cáo yêu cầu được quyền nuôi con chung là cháu Tạ Anh Q và chị không yêu cầu anh Tạ Vương Q cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng do nguyên đơn rút kháng cáo; về kháng cáo yêu cầu được quyền nuôi con chung là cháu Tạ Anh Q, qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thấy rằng cả chị Quỳnh A và anh Q đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện tại cháu Q đang sống với cha và cháu phát triển bình thường, ổn định môi trường, nếp sinh hoạt trong cuộc sống, không ảnh hưởng đến tâm sinh lý, cuộc sống bình thường của cháu, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu được nuôi con chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn HĐXX xét thấy:

[1] Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm chị Quỳnh A thống nhất xác định: Anh chị quen biết và chung sống cùng nhau từ tháng 12/2013; đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn TH, huyện TH, tỉnh K ngày 23 tháng 3 năm 2015. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 04 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân của anh chị tự nguyện, không bị cưỡng ép. Chị và anh Q có 01 con chung tên Tạ Anh Q - sinh ngày 04/3/2015. Cháu đang ở với cha từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh Q không lo làm ăn, chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con kể cả khi chị mang thai

và sinh con; mặt khác anh Q còn đánh và chém chị; quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q trước đây chị đã khởi kiện tại Tòa án huyện TH yêu cầu ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ, sau khi đoàn tụ anh Q vẫn không bỏ thói quen cũ, vẫn bỏ mặc, không quan tâm đến vợ con; vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, giữa hai người không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Đồng thời, yêu cầu xin ly hôn của chị Quỳnh A đã được anh Q đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Tạ Vương Q là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2] Chị Nguyễn Thị Quỳnh A kháng cáo 02 nội dung: Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị Quỳnh A rút lại nội dung kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, xét thấy việc rút yêu cầu của chị là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm đình chỉ yêu cầu này; sau này nếu chị Quỳnh A có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì chị có quyền yêu cầu ở vụ án dân sự khác.

[3] Tại phiên tòa Luật sư Phạm Anh V bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng anh Q có nhân thân chưa tốt, có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quá trình chung sống với chị Quỳnh A không quan tâm chăm sóc vợ con, theo lời khai của chị Quỳnh A thì hiện tại cháu Q do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, anh Q ít quan tâm chăm sóc con, do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu về mọi mặt đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu được nuôi con chung, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Q cho chị Quỳnh A trực tiếp nuôi dưỡng; chị Quỳnh A không yêu cầu anh Tạ Vương Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về yêu cầu của chị Quỳnh A được nuôi con chung tên Tạ Anh Q, sinh ngày 04/3/2015, HĐXX xét thấy từ tháng 7/2018 đến nay cháu Q do anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Quỳnh A đã từng đi thăm con, có lần cùng ở chung khách sạn với con 01 đêm tại tỉnh B và cho rằng cháu phát triển bình thường, hàng ngày cháu được gửi cho các Sơ chăm sóc, giáo dục và ông bà nội thường đưa rước cháu, gia đình anh Q hiện sống chung gồm có cha, mẹ anh Q và 01 anh trai, 01 em gái anh Q đều chưa có vợ, chồng; gia đình anh Q chỉ có 01 người cháu là Tạ Anh Q. Theo chứng cứ trong hồ sơ và ý kiến của Luật sư cùng lời trình bày của chị Quỳnh A thấy rằng hiện cháu đã hơn 04 tuổi, cả chị Quỳnh A và anh Q đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, 01 tiền án của người cha không là yếu tố quyết định đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con trong khi anh Q và cả gia đình anh Q đều có công việc, cuộc sống ổn định; từ tháng 7/2018 đến nay cháu Tạ Anh Q đang sống với cha, cháu được gửi cho trường nơi các Sơ (đạo Công giáo) chăm sóc, giáo dục và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; để ổn định môi trường, nếp sinh hoạt trong cuộc sống, không ảnh hưởng đến tâm sinh lý, cuộc sống bình thường của cháu, HĐXX xét thấy kháng cáo của chị Quỳnh A là không có cơ sở chấp nhận, nếu sau này chị Quỳnh A có căn cứ xác định anh Q không còn đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không đảm bảo được sự phát triển bình thường của cháu thì chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng do nguyên đơn rút kháng cáo; không chấp nhận đề nghị của Luật sư và nội dung kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Tạ Anh Quốc. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của vợ chồng do nguyên đơn rút kháng cáo.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Tạ Anh Q.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh K.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A với anh Tạ Vương Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Tạ Vương Q.

Về nuôi con chung: Giao cháu Tạ Anh Q, sinh ngày 04/3/2015 cho anh Tạ Vương Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tạ Vương Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Quỳnh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị Quỳnh A thực hiện quyền này.

Về án phí:

- **Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch với số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0005137 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh K.

- **Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu án phí với số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005237 ngày 09/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh K.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K.
- TAND huyện TH;
- THADS huyện TH;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Võ Kế Nghiệp